

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/DSST

Ngày: 06-9-2019

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về đặt cọc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vạn Thế.

Ông Nguyễn Văn Trên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019, về “tranh chấp hợp đồng dân sự về đặt cọc”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 16/2019/QĐST-DS, ngày 05/6/2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 26/2019/TB-TA, ngày 02/7/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 18/2019/QĐST-DS ngày 23/7/2019; Thông báo mở lại phiên tòa số: 28/2019/TB-TA ngày 31/7/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2019/QĐST-DS ngày 16/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bá T, sinh năm: 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp AB, xã MAHA, huyện LV, ĐT.

- Bị đơn: Bà Mai Thị T1, sinh năm: 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp THĐ, xã TM, huyện LV, ĐT.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp AT, xã MAHA, huyện LV, ĐT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Bá T trình bày: Nguyên vào ngày 16/8/2018 (al) (ngày 25/9/2018 dl) Ông T có thỏa thuận với Bà T1 mua 05 công khoai môn với giá là 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng) và đưa cọc trước là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận thời hạn đào khoai là 15 ngày (ngày tới ngày 01/09/2019 al nhằm ngày 09/10/2018) sẽ đào khoai, khi Ông T đào khoai thì phải đưa đủ 55.000.000đ còn lại cho Bà T1, nếu hết hạn mà chưa đào thì phải chịu tiếp tiền đầu cho Bà T1. Việc bảo quản và chăm sóc khoai, cũng như giữ nước khô ráo để Ông T đào khoai thì Bà T1 chịu trách nhiệm. Đến ngày 21/8/2018 al (ngày 30/9/2018 dl) Bà T1 điện thoại kêu Ông T xuống đào khoai gấp do mưa lớn làm ngập ruộng khoai, Ông T và công nhân xuống đào khoai thì do nước ngập lụt ruộng khoai môn nên không đào khoai được và Bà T1 hứa sẽ bơm cạn nước để Ông T đào.

Đến ngày 25/10/2018 al (ngày 04/10/2018 dl) Bà T1 tiếp tục điện thoại nói với Ông T là bơm nước cạn rồi kêu Ông T xuống đào khoai nếu không đào thì Bà T1 trả lại tiền cọc, khi Ông T và nhân công xuống đào thì nước ngập quá mắt cá chân, nhân công nói muốn đào khoai như vậy phải thêm tiền vì khoai ngập nước đào và vác khoai sẽ rất ngửa. Ông T nói Bà T1 bớt 5.000.000đ để Ông T lấy tiền trả cho nhân công thì Bà T1 không đồng ý và Bà T1 hứa sẽ bơm cạn nước để Ông T đào. Sau đó Bà T1 có báo với UBND xã Tân Mỹ, ông P cán bộ Tư pháp xã có đến khảo sát có mời Ông T và Bà T1 ra thỏa thuận. Tại ruộng khoai Bà T1 đưa ra 03 điều kiện thứ nhất từ đây đến sáng ngày mai Bà T1 có trách nhiệm giữ nước không cho ngập khoai để Ông T thu hoạch khoai nếu không được thì Bà T1 trả tiền lại cho Ông T, thứ 2 Ông T đào khoai thì phải chôn tiền đủ 55.000.000đ thì Bà T1 mới cho đào khoai, điều kiện thứ 3, trong vòng ngày mai nếu Ông T không đào khoai thì Ông T sẽ bị mất cọc thì Ông T đồng ý. Ông P kêu hai bên về Ủy ban để lập biên bản để thực hiện nhưng khi về đến Ủy ban Ông T hỏi bà Tiền có chắc chắn ngày mai bơm cạn nước được không thì Bà T1 cự cãi nhau rồi bỏ về. Đến ngày 28/8/2019 al (ngày 07/10/2018 dl) chưa hết hợp đồng mua bán nhưng Bà T1 đã tự ý bán cho người khác mà chưa được sự đồng ý của Ông T nên Ông T khởi kiện yêu cầu Bà T1 phải trả lại số tiền cọc đã nhận.

Tại phiên tòa ngày hôm nay Ông T đồng ý bớt cho Bà T1 số tiền 5.000.000đ, chỉ yêu cầu Bà T1 có nghĩa vụ trả số tiền còn lại là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), ngoài ra Ông T không có yêu cầu nào khác.

- *Tại tờ tường trình đề ngày 21/01/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Mai Thị T1 trình bày:* Vào khoảng giữa tháng 8/2018 al không nhớ ngày cụ thể, Bà T1 có thỏa thuận bán cho ông Nguyễn Bá T 05 công khoai môn với giá là 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng) và bà đã nhận cọc của Ông T là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Việc mua bán hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói chứ không có làm giấy tờ gì, hai bên không thỏa thuận

ngày đào khoai cụ thể mà chỉ thỏa thuận từ ngày Bà T1 nhận tiền cọc cho đến 15 ngày sau, Ông T muốn đào khoai ngày nào thì đào, khi đào khoai phải giao đủ số tiền còn lại nhưng thỏa thuận hạn chót Ông T trả đủ tiền là ngày 30/1 và Bà T1 có trách nhiệm giữ khô nước ruộng khoai không cho ngập và bảo quản khoai không bị hư hỏng mất mát. Nếu qua ngày 30/1 nhưng Ông T chưa đào khoai thì Ông T vẫn phải trả đủ số tiền còn lại là 55.000.000đ cho Bà T1 và Bà T1 không có trách nhiệm giữ nước và bảo quản khoai nữa mà Bà T1 chỉ bơm dùm còn tiền dầu bơm nước thì Ông T phải chịu. Ngoài ra hai bên còn có thỏa thuận, trong thời gian chưa đào khoai nếu có sự cố xảy ra ngoài ý muốn thì hai bên bàn bạc, thỏa thuận lại với nhau để cùng giải quyết. Sau khi thỏa thuận khoảng năm hay sáu ngày sau (ngày 21/8/2018 là ngày ông Nguyễn Thanh Dũng nhà kế ruộng khoai chết) thì do trời mưa lớn nước dâng cao ngập hết ruộng khoai môn, Bà T1 gọi điện thoại cho Ông T thì Ông T và một số người khác có xuống nhưng lúc đó nước đang ngập hết ruộng khoai và do ông Dũng chết đang làm đám nên Ông T nói để qua đám bơm nước cạn thì Ông T xuống đào. Khi Bà T1 bơm cạn nước Bà T1 tiếp tục gọi điện thoại yêu cầu Ông T xuống đào khoai nếu không đào thì xuống Bà T1 trả lại tiền cọc nhưng Ông T vẫn không xuống. Trưa ngày hôm sau trời tiếp tục mưa, đề bao bị bể Bà T1 thuê người đắp lại đề và bơm cạn nước nhưng Ông T cũng không xuống đào khoai. Do sợ khoai bị hư nên Bà T1 đến Công an xã trình báo, Công an nói việc tranh chấp liên quan đến tiền bạc nên hướng dẫn Bà T1 qua Ủy ban nhân dân xã trình báo. Bà qua Ủy ban xã trình báo với ông P là Cán bộ Tư pháp xã, chiều cùng ngày ông P có xuống phần đất trồng khoai môn xem xét, có mặt Ông T và một người đi cùng Ông T. Lúc đó bà đưa ra 03 điều kiện, thứ nhất từ đây đến sáng ngày mai Bà T1 có trách nhiệm giữ nước không cho ngập khoai để Ông T thu hoạch khoai nếu không được thì Bà T1 trả tiền lại cho Ông T, thứ 2 Ông T đào khoai thì phải chôn tiền đủ 55.000.000đ thì Bà T1 mới cho đào khoai, điều kiện thứ 3, trong vòng ngày mai nếu Ông T không đào khoai thì Ông T sẽ bị mất cọc thì Ông T đồng ý. Sau khi hai bên thỏa thuận như vậy xong, anh P yêu cầu hai bên về Ủy ban nhân dân xã để lập biên bản, tại Ủy ban nhân dân xã hai bên cự cãi nhau nên anh P không lập biên bản. Hết ngày hôm sau Ông T cũng không xuống đào khoai nên 2,3 ngày sau mặc dù chưa hết thời gian thỏa thuận với Ông T nhưng sợ khoai bị hư mà Ông T chỉ mới giao cho Bà T1 20.000.000đ trong khi ruộng khoai của Bà T1 là hơn 70.000.000đ nên Bà T1 đã bán cho người khác (anh Đặng) với giá 50.000.000đ. Nay Ông T yêu cầu Bà T1 trả số tiền cọc Bà T1 không đồng ý, vì Ông T đã đồng ý khi hai bên ở ngoài ruộng là nếu Ông T không đào khoai sẽ mất cọc.

Mặt khác, hai bên có thỏa thuận nếu trong thời gian thực hiện hợp đồng mà có sự cố xảy ra ngoài ý muốn thì hai bên bàn bạc, thỏa thuận lại với nhau để cùng giải quyết. Nhưng sau khi có sự cố mưa lớn làm ngập ruộng khoai Ông T không có thiện chí để cùng giải quyết. Bà T1 đã cố gắng bơm nước cạn để Ông T đào khoai nhưng Ông T đã không xuống để đào mà để mặc cho Bà T1 phải tự bơm nước ngày đêm chi phí tiền dầu, tiền công hết 15.000.000đ và do Ông T

không chịu đào khoai bà phải bán rẻ cho người khác lỗ 25.000.000đ so với giá thỏa thuận bán cho Ông T nhưng Bà T1 không yêu cầu Toà án giải quyết đối với số tiền này.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 6 năm 2019, người làm chứng là anh Trương Ngọc Đ trình bày: Anh Đ là người mua khoai môn của Bà T1. Việc giao kèo mua bán giữa Ông T và Bà T1 như thế nào thì anh Đ không biết. Khi Bà T1 gọi điện thoại kêu anh Đ mua khoai, anh Đ có hỏi việc mua bán giữa Ông T và Bà T1 giải quyết ra sao rồi thì Bà T1 trả lời đã giải quyết xong rồi, Ông T kéo nhân công xuống đào khoai hai lần rồi nhưng không đào được nên xem như Ông T bỏ không đào, sau khi nghe Bà T1 nói vậy nên anh Đ mới mua. Việc anh Đ mua khoai của Bà T1 ngày tháng không nhớ cụ thể chỉ nhớ khoảng tháng 7 hay tháng 8/2018 và giá mua là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Khi đào khoai nước ngập lụt ruộng khoai và anh Đ phải đi nhờ đường đi của ông A (chủ quán cà phê TT).

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 7 năm 2019, người làm chứng là ông Nguyễn Văn A trình bày: Ông A là người sử dụng diện tích đất vườn giáp ranh với ruộng khoai môn của Bà T1. Ông A với Ông T và Bà T1 không có bà con gì. Ông A chỉ nhớ vào vụ hè thu năm 2018 do nước lũ dâng cao kèm theo mưa làm cho ruộng khoai môn của Bà T1 bị ngập nước, Bà T1 phải sử dụng 04 máy bơm để bơm nước ra. Ông A thấy Bà T1 bơm nước khoảng một tuần thì Bà T1 không bơm nữa và đã bán khoai nhưng ông A không biết bán cho ai vì ông A không hỏi.

Tại phiên tòa người làm chứng là ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông N là người được Ông T thuê để đào khoai cho ruộng khoai mà Ông T đã mua của Bà T1. Ông N đã được Ông T kêu xuống đào khoai của Bà T1 hai lần nhưng không được, về ngày tháng thì không nhớ cụ thể. Lần đầu xuống đào thì nước ngập quá ngọn khoai môn, lần thứ 2 nước quá mắt cá chân. Việc đào khoai môn cần phải khô nước mới đào được nếu nước nhiều thì khi đào khoai sẽ bị thất thoát và công nhân sẽ bị ngứa ngáy khó chịu. Những trường hợp như vậy thường người thuê đào khoai phải trả thêm tiền thì công nhân mới chịu đào. Ông T có kêu Bà T1 bới 5 triệu để trả cho công nhân nhưng Bà T1 không chịu bới mà nói sẽ bơm cạn khô để đào khoai. Do đó, cả hai lần Ông T và công nhân xuống đào khoai ruộng của Bà T1 đều không được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên Tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập đến phiên Tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được

thẩm tra tại phiên tòa, xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền cọc là 20.000.000đ, nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đồng ý bớt cho bị đơn số tiền 5.000.000đ, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền cọc là 15.000.000đ, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền cọc cho nguyên đơn là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Bá T khởi kiện yêu cầu bà Mai Thị T1 có nghĩa vụ trả lại số tiền mà Ông T đã đặt cọc để mua khoai môn nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự về đặt cọc. Bị đơn có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò được quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đã vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Giữa ông Nguyễn Bá T và bà Mai Thị T1 thỏa thuận với nhau về việc Ông T đặt cọc cho bà Mai Thị T1 số tiền 20.000.000đ để mua bán khoai môn. Việc thỏa thuận này hai bên không lập thành văn bản nhưng bị đơn là Bà T1 thừa nhận và thống nhất thời hạn thực hiện hợp đồng là 15 ngày kể từ ngày nhận tiền. Nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Hai bên xảy ra tranh chấp là do Ông T cho rằng đã đặt cọc 20.000.000đ để mua khoai của Bà T1 nhưng chưa hết hạn thỏa thuận thì Bà T1 đã bán khoai cho người khác nên Ông T yêu cầu Bà T1 phải trả lại số tiền mà Bà T1 đã nhận cọc. Bà T1 cho rằng khi xảy ra sự cố ngoài ý muốn là mưa lớn làm ngập ruộng khoai nhưng Ông T không chịu đào khoai, Bà T1 có trình báo với Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ và Ông T đã thống nhất 03 điều kiện mà Bà T1 đưa ra nhưng Ông T không đào khoai là lỗi của Ông T nên Ông T bị mất cọc, Bà T1 không đồng ý trả lại tiền cọc cho Ông T. Xét thấy:

[2.3] Về thời gian thỏa thuận hợp đồng, Ông T trình bày là vào ngày 16/8/2018 âm lịch còn Bà T1 thì chỉ nhớ là khoảng giữa tháng 8/2018 al không nhớ ngày cụ thể nhưng Bà T1 trình bày từ ngày nhận cọc của Ông T khoảng 5 hay 6 ngày sau trời mưa ruộng khoai ngập nước, Bà T1 có gọi điện thoại cho Ông T xuống. Ngày Ông T xuống là ngày ông D ở gần đó chết, Bà T1 xác nhận ngày ông D chết là ngày 21/8/2018al và Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ cũng xác định ngày ông D chết là ngày 30/9/2018 dl nhằm ngày 21/8/2018al). Như vậy, có căn cứ xác định ngày hai bên thỏa thuận mua bán khoai và Bà T1 nhận cọc là ngày 16/8/2018 al như Ông T trình bày.

[2.4] Về thời gian thực hiện hợp đồng, Ông T và Bà T1 đều thống nhất thời hạn để thực hiện hợp đồng là 15 ngày kể từ ngày nhận cọc. Như vậy, ngày nhận cọc là ngày 16/8/2018al, thì 15 ngày sau là hết ngày 01/09/2018al (tháng 8 không có ngày 30al) là hết thời hạn thực hiện hợp đồng.

[2.5] Về thời gian Bà T1 bán khoai cho ông Đ, căn cứ vào lời khai của anh Đ thì anh Đ mua khoai của Bà T1 vào khoảng tháng 7 hay tháng 8/2018 al. Còn ông A là người có đất giáp với Bà T1 xác định Bà T1 bơm nước khoảng một tuần là bán khoai cho người khác. Như vậy, có căn cứ xác định Bà T1 đã bán khoai cho ông Đ là trong tháng 8/2018al khi chưa hết thời hạn thỏa thuận với Ông T. Bà T1 cũng thừa nhận do sợ khoai bị hư nên Bà T1 đã bán khoai cho anh Đ. Như vậy, Bà T1 là người vi phạm thời hạn theo thỏa thuận.

[2.6] Bà T1 cho rằng sau khi xảy ra tranh chấp, Bà T1 có trình Ủy ban xã và Cán bộ Tư pháp xã là anh Nguyễn Hoàng P có xuống phần đất trồng khoai môn xem xét, có mặt Ông T. Lúc đó bà đưa ra 03 điều kiện và Ông T đã đồng ý. Do Ông T đã đồng ý nhưng sau đó Ông T không thực hiện nên Ông T sẽ bị mất cọc. Việc này Bà T1 và Ông T cũng như anh P đều trình bày thống nhất là có việc thỏa thuận miệng ngoài ruộng nhưng sau khi hai bên về Ủy ban nhân dân xã để lập biên bản, thì tại Ủy ban nhân dân xã do các bên cự cãi nhau nên đã không thống nhất được nên Bà T1 đã bỏ về nên anh P cán bộ Tư pháp xã không lập biên bản được. Như vậy, mặc dù các đương sự có sự thỏa thuận như Bà T1 trình bày nhưng do sau đó các bên xảy ra cự cãi nhau và Bà T1 đã bỏ về nên việc thỏa thuận lại này là chưa có hiệu lực.

Mặt khác, Bà T1 và Ông T cũng thừa nhận khi thỏa thuận đặt cọc mua bán khoai, hai bên có thỏa thuận khi có sự cố xảy ra ngoài ý muốn thì hai bên phải cùng nhau bàn bạc để tìm cách giải quyết. Thực tế là sau khi hai bên thỏa thuận đặt cọc mua bán khoai thì xảy ra việc trời mưa làm nước ngập ruộng môn. Bà T1 cho rằng khi xảy ra sự cố thì Ông T không hợp tác, không chịu đào khoai là không đúng. Căn cứ vào lời trình bày của ông Nguyễn Văn N là người được Ông T thuê đào khoai đã trình bày: Từ khi xảy ra việc mưa lớn làm ngập ruộng khoai thì Ông T đã hai lần kêu ông N cùng nhân công xuống đào khoai nhưng do nước ngập nên không đào được, nhân công đòi trả thêm tiền mới đồng ý đào khoai, Ông T yêu cầu Bà T1 bớt để trả cho công nhân nhưng Bà T1 không đồng ý bớt tiền. Việc này Bà T1 cũng thừa nhận tại phiên Tòa ngày 23/7/2019 là trong hai lần Ông T xuống ruộng khoai của Bà T1 đều có mặt ông N. Lời trình bày này cũng phù hợp với lời khai của anh Đ người mua khoai sau này của Bà T1 xác nhận khi Bà T1 bán khoai cho anh Đ, Bà T1 có nói Ông T có đưa nhân công xuống đào khoai hai lần nhưng không đào khoai được nên coi như Ông T bỏ nên anh Đ mới mua. Như vậy, thể hiện từ khi có sự cố xảy ra ngoài ý muốn Ông T đã cố gắng để thực hiện hợp đồng nhưng do trời mưa làm nước ngập nên không đào được khoai trong khi hai bên thỏa thuận phía Bà T1 là người có trách nhiệm giữ khô nước để Ông T đào khoai nhưng Bà T1 không

làm được và cũng không đồng ý bớt tiền để công nhân đào khoai. Chứng tỏ Bà T1 không có thiện chí để cùng thỏa thuận giải quyết.

[2.7] Từ những phân tích nêu trên thể hiện Bà T1 là người đã vi phạm thời hạn thực hiện hợp đồng nên yêu cầu đòi lại tiền cọc của Ông T là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của Ông T. Tại phiên Tòa hôn nay Ông T đồng ý bớt cho Bà T1 5.000.000đ, chỉ yêu cầu Bà T1 trả số tiền cọc còn lại là 15.000.000đ. Xét đây là sự tự nguyện của Ông T và phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Do đó, buộc Bà T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ông T số tiền cọc đã nhận là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

[2.8] Về phạt cọc các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

[2.9] Về án phí: Bà Mai Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Xét lời đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật như đã phân tích ở trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Căn cứ Điều 121, Điều 328, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Bá T.

Buộc bà Mai Thị T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Bá T số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Mai Thị T1 phải chịu 750.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Bá T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ông T số tiền tạm ứng án phí Ông T đã nộp là 500.000 đ (Năm trăm nghìn

đồng) theo biên lai số BH/2017/0007185 ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

3. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Bá T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Mai Thị T1 được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lập Vò;
- CC.THADS huyện Lập Vò;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Nội

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 35 phút, ngày 06 tháng 9 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Văn Nội**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - 1. Ông **Nguyễn Văn Thế**;
 - 2. Ông **Nguyễn Văn Trên**.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 06/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019, về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về đặt cọc*” giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Bá T, sinh năm: 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: 15/815, ấp An Bình, xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Bà Mai Thị T1, sinh năm: 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 267A, ấp Tân Hoà Đông, xã Tân Mỹ, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: 116, ấp An Thái, xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và các quy định của pháp luật;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về Điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Căn cứ Điều 121, Điều 328, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Bá T.

Buộc bà Mai Thị T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Bá T số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về án phí:

Bà Mai Thị T1 phải chịu 750.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Bá T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ông T số tiền tạm ứng án phí Ông T đã nộp là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số BH/2017/0007185 ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

2.3. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Bá T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Mai Thị T1 được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

2.4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 03/03 thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 05 phút, ngày 06 tháng 9 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và cùng ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Nội

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Đồng Tháp;

TÒA

- VKSND huyện Lấp Vò;

- CC.THADS huyện Lấp Vò;

- UBND xã Định An, huyện
Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp;

- Đ/s: Duyên, Quân;

- Lưu: HSVA, VPTA (Dẫn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Văn Kiến

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào hồi 08 giờ 50 phút, ngày 12 tháng 7 năm 2017.

Tại: Trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Kiến**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Phụng;**

Ông Nguyễn Văn Lực.

Tiến hành thảo luận vụ án dân sự thụ lý số 69/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2017, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị Mỹ Duyên**, sinh năm 1989; *Địa chỉ*: 537 ấp Bình An, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp; *có mặt tại phiên tòa*.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hải Quân (Hiền)**, sinh năm 1985; *Địa chỉ*: 01^A ấp An Ninh, xã Định An, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp; *vắng mặt tại phiên tòa*.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và các quy định của pháp luật;

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Sự vắng mặt của bị đơn Nguyễn Hải Quân (Hiền) tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12 tháng 7 năm 2017.

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, các Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; Qua thảo luận, Hội đồng xét xử biểu 03/03 thống nhất hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 69/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2017.

2. Thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa xét xử vụ án được ấn định như sau:

Phiên tòa dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi **07 giờ 30 phút**, ngày **01 tháng 8 năm 2017** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (*Địa chỉ*: Quốc lộ 80, khóm Bình Thạnh 2, thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp).

Việc thảo luận kết thúc vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 7 năm 2017.

Biên bản thảo luận đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và cùng ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Văn Kiến